

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 86/2024/DSST

Ngày: 16 - 4 - 2024

V/v tranh chấp: "Thừa kế tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Đỗ Hữu Vị

2/ Bà Huỳnh Thị Tổ

- **Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:** Ông Trần Hữu Vĩnh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông** tham gia phiên tòa: Ông Võ Minh Tuấn, Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 4 năm 2024, Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 136/2022/TLST-DS ngày 15 tháng 6 năm 2022 về việc tranh chấp "Thừa kế tài sản". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 366/2023/QĐXX- DS ngày 24 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Huyền Tôn Nữ Anh M, sinh năm xxxx, có mặt

Địa chỉ: x đường T, phường T, thành phố V, tỉnh B.

2. **Bị đơn:** Ông Bảo H, sinh năm xxxx, vắng mặt

Địa chỉ: Ấp x, xã T, huyện G, tỉnh T

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Bà Huyền Tôn Nữ Anh H1, sinh năm xxxx, có mặt

Địa chỉ: Ấp x, xã T, huyện G, tỉnh T.

Bà Huyền Tôn Nữ Anh L, sinh năm xxxx

Địa chỉ: x tổ x, khu phố x, phường T, quận x, thành phố H.

Bà Huyền Tôn Nữ Anh T, sinh năm xxxx

Địa chỉ: Làng B, thị trấn C, huyện C, tỉnh G.

Bà Huyền Tôn Nữ Anh H2, sinh năm xxxx

Địa chỉ: x Nguyễn Văn L, xã C, thành phố T, tỉnh B.

Ông Bảo T, sinh năm xxxx

Địa chỉ: Ấp x, xã T, huyện G, tỉnh T.

Đại diện theo ủy quyền của bà L, bà T, bà H2, ông Bảo T: Bà Huyền Tôn Nữ Anh H1, sinh năm xxxx. Địa chỉ: Ấp x, xã T, huyện G, tỉnh T (Hợp đồng ủy quyền số công chứng 2340 ngày 21/3/2023, Hợp đồng ủy quyền số công chứng 1995 ngày 13/3/2023, Hợp đồng ủy quyền số công chứng 2664 ngày 29/3/2023, Hợp đồng ủy quyền số công chứng 1709 ngày 02/3/2023), có mặt.

Bà Huyền Tôn Nữ Anh H3, sinh năm xxxx

Địa chỉ: Ấp T, xã T, Tp. M, tỉnh T.

Ông Bảo T1, sinh năm xxxx.

Địa chỉ: x Hương lộ x, phường B, quận B, thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H3, ông Bảo T1: Bà Tôn Nữ Anh M, sinh năm xxxx. Địa chỉ: x Trần Xuân Đ, phường T, thành phố V, tỉnh B (Hợp đồng ủy quyền số công chứng 1937 ngày 09/3/2023), có mặt.

Bà Huỳnh Thị Kim L, sinh năm xxxx, xin vắng mặt

Huyền N, sinh năm xxxx

Bảo T2, sinh năm xxxx

Đại diện theo pháp luật của Huyền N và Bảo T2: Bà Huỳnh Thị Kim L, sinh năm 1981, xin vắng mặt

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện G, tỉnh T.

Bà Lê Thị H4, sinh năm xxxx, xin vắng mặt

Chị Lê Thị Huỳnh N1, sinh năm xxxx, xin vắng mặt

Cùng địa chỉ: Ấp x, xã T, huyện G, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 5 năm 2022, nguyên đơn bà Huyền Tôn Nữ Anh M trình bày: Cha của bà M là cụ Vĩnh S, mẹ là cụ Lê Thị H có 10 người con là Huyền Tôn Nữ Anh L, Huyền Tôn Nữ Anh H1, Huyền Tôn Nữ Anh H3, Bảo T1, Bảo T, Huyền Tôn Nữ Anh T, Huyền Tôn Nữ Anh H2, Bảo H, Bảo A (sn 1968 liệt sĩ, không vợ, con) và Huyền Tôn Nữ Anh M. Cụ S và cụ H chết không để di chúc, có di sản là căn nhà và thửa đất số 130, diện tích 490,6 m², tờ bản đồ số 25, tại ấp 3, xã Tân Tây, huyện Gò Công Đông giấy chứng nhận quyền sử đất số CH00807 ngày 15/7/2014 cấp cho hộ bà Lê Thị H. Hiện bà H1 đang ở căn nhà. Bà M yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật. Đối với căn nhà, bà M, ông Bảo

T2 và bà H3 đã ủy quyền cho bà M thống nhất giao cho bà H1 sở hữu nhà, không yêu cầu chia giá trị nhà. Bà M đồng ý nhận phần thừa kế đất của ông Bảo T2 và bà H3 tặng cho bà M. Bà M xin nhận phần đất thừa kế ở vị trí (Số 1) như bản vẽ đo. Bà M đồng ý trả bà H1 số tiền 5.000.000 san lấp đất (Đã trả xong). Phần đất thừa kế giáp ranh đất bà H4 và chị Huỳnh Như đã thống nhất thỏa thuận dời hàng rào đúng ranh giới xong, không yêu cầu Tòa giải quyết.

* Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Bảo H trình bày: Ông H là con của cụ Vĩnh Sanh chết năm 2013 và cụ Lê Thị H chết năm 2021 có di sản là căn nhà cấp 4 và thửa đất như nêu trên. Ông Bảo H thống nhất yêu cầu chia thừa kế cho 09 người. Ông H đồng ý chia đất cho bà M, bà H3 và ông Bảo T2 mỗi người 50m² đất, tổng cộng 3 người là 150m² đất (có 50 thổ cư) ở vị trí giáp đất ông Võ Văn Minh, bà M phải giao lại cho bà H1 25.000.000 đồng tiền đồ đất san lấp. Ông H yêu cầu giao phần thừa kế của ông H cho bà H1 quản lý sử dụng.

* Trong đơn yêu cầu độc lập ngày 03/8/2022 và quá trình giải quyết vụ án, ông Bảo T thống nhất trình bày như ông H. Ông Bảo T yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật căn nhà và thửa đất nêu trên. Ông T tự nguyện tặng cho bà H1 toàn bộ phần thừa kế của Ông T.

* Trong đơn yêu cầu độc lập ngày 02/7/2023 và quá trình giải quyết vụ án, bà Huyền Tôn Nữ Anh T yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ S và cụ H là căn nhà và đất cho 09 người thừa kế nêu trên. Bà T tự nguyện tặng cho bà H1 phần thừa kế của bà T.

* Trong đơn yêu cầu độc lập ngày 13/01/2023 và quá trình giải quyết vụ án, bà Huyền Tôn Nữ Anh H2 yêu cầu chia di sản thừa kế nhà và đất nêu trên. Bà H2 tự nguyện tặng cho bà H1 phần thừa kế của bà H2.

* Trong đơn yêu cầu độc lập ngày 02/02/2023 và quá trình giải quyết vụ án, bà Huyền Tôn Nữ Anh L yêu cầu chia thừa kế nhà và đất nêu trên. Bà Lan tự nguyện tặng cho bà H1 phần thừa kế của bà Lan.

* Trong đơn yêu cầu độc lập ngày 03/8/2022 và quá trình giải quyết vụ án, ông Bảo T2 thống nhất trình bày như bà M. Ông Bảo T2 yêu cầu chia thừa kế nhà và đất nêu trên. Ông Bảo T2 tự nguyện tặng cho bà M phần đất thừa kế của ông Bảo T2, tặng cho bà H1 sở hữu phần thừa kế nhà của ông Bảo T2. Thống nhất chia đất cho bà H1 ở vị trí có căn nhà bà H1 đang ở.

* Trong đơn yêu cầu độc lập ngày 13/01/2023 và quá trình giải quyết vụ án, bà Huyền Tôn Nữ Anh H3 thống nhất trình bày như bà M. Bà H3 yêu cầu chia thừa kế nhà và đất nêu trên. Bà H3 tự nguyện tặng cho bà M phần đất thừa kế của bà H3, tặng cho bà H1 sở hữu phần thừa kế nhà của bà H3. Thống nhất chia đất cho bà H1 ở vị trí có căn nhà bà H1 đang ở.

* Trong đơn yêu cầu độc lập ngày 03/8/2022 và quá trình xét xử, bà Huyền Tôn Nữ Anh H1 trình bày: Thống nhất như bà M và ông Bảo H. Quá trình ở căn nhà bà H1 có bỏ tiền ra sửa nhà. Bà H1 yêu cầu được sở hữu căn nhà do các đồng thừa kế thống nhất giao căn nhà cho bà H1. Bà H1 yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất. Bà H1 đồng ý nhận phần thừa kế của ông Bảo T, bà Lan, bà H2, bà T tặng cho bà H1, nên bà H1 yêu cầu được chia đất ở vị trí (Số 2) như bản vẽ đo. Bà H1 yêu cầu chia đất cho bà M, bà H3 và ông Bảo T2 ở vị trí (Số 1) như bản vẽ đo, chia đất cho ông Bảo H giáp phần đất chia cho bà H1. Bà H1 đã nhận 5.000.000

đồng của bà M trả tiền san lấp đất, nên bà H1 không yêu cầu bà M trả chi phí san lấp đất.

* Quá trình giải quyết vụ án bà Huỳnh Thị Kim L trình bày: Bà L là vợ của ông Bảo H, là thành viên hộ bà Lê Thị H. Bà Loan xác định thửa đất số 130, diện tích 490,6m² và căn nhà cấp 4 trên đất là tài sản của cụ Vĩnh S và cụ Lê Thị H tạo lập, không liên quan đến bà L và các con bà L là Huyền N và Bảo T2. Nên bà L, Huyền N và Bảo T2 không yêu cầu gì trong vụ án này, xin vắng mặt.

* Quá trình giải quyết vụ án, bà Lê Thị H4 và chị Lê Thị Huỳnh N1 thống nhất trình bày: Theo trích đo bản đồ địa chính khu đất lập ngày 12/01/2024 thì bà H1 đang quản lý sử dụng một phần diện tích thửa đất số 143 của gia đình bà H4, trên đất có hàng rào và một phần căn nhà thừa kế mà bà H1 đang ở. Nhưng đến nay bà H4, bà H1, bà M và ông Bảo T đã thống nhất tự thỏa thuận tháo dỡ hàng rào và một phần căn nhà bà H1 đang ở để giao trả đất cho bà H4 và chị Huỳnh Như xong. Bà H4 và chị Huỳnh N1 không tranh chấp, không yêu cầu gì trong vụ án này, xin Tòa cho vắng mặt.

* Ý kiến của Viện kiểm sát: Trong quá trình thụ lý và xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị áp dụng Điều 660 Bộ luật dân sự, xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huyền Tôn Nữ Anh M, yêu cầu độc lập của bà Huyền Tôn Nữ Anh L, bà Huyền Tôn Nữ Anh H1, bà Huyền Tôn Nữ Anh H3, bà Huyền Tôn Nữ Anh T, bà Huyền Tôn Nữ Anh H2, ông Bảo T2 và ông Bảo T về chia di sản thừa kế theo pháp luật. Chia quyền sử dụng đất cho bà M, bà H3 và ông Bảo T2 ở vị trí số 1 (Theo bản vẽ), chia quyền sử dụng đất cho bà H1, bà Lan, bà T, bà H2 và ông Bảo T ở vị trí có căn nhà bà H1 đang ở, chia ông Bảo H 1 suất thừa kế quyền sử dụng đất ở vị trí giáp đường đi. Ghi nhận các đương sự giao toàn bộ căn nhà cho bà H1 sở hữu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Việc nộp đơn khởi kiện, thụ lý đơn và thẩm quyền giải quyết của Tòa án đúng quy định; Việc thu thập tài liệu chứng cứ; Thủ tục kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Bảo H được Tòa án triệu tập hợp lệ phiên tòa lần thứ hai vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Bà Lê Thị H4, chị Lê Thị Huỳnh N1, bà Huỳnh Thị Kim L, Huyền N, Bảo T2 có đơn xin vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xử vắng mặt ông Bảo H, bà H4, chị Huỳnh N1, bà L, Huyền N, Bảo T2.

Quan hệ tranh chấp: Xét nội dung đơn khởi kiện, đơn yêu cầu độc lập, trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp về thừa kế tài sản theo quy định khoản 5 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 660 Bộ luật dân sự.

[2] Về nội dung:

2.1 Thời hiệu thừa kế: Đương sự không tranh chấp về thời hiệu, không yêu cầu xem xét thời hiệu thừa kế theo pháp luật, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

2.2 Người thừa kế: Các đương sự thống nhất xác định có 09 người thừa kế gồm: Bà Huyền Tôn Nữ Anh L, bà Huyền Tôn Nữ Anh H1, bà Huyền Tôn Nữ Anh H3, ông Bảo T2, ông Bảo T, bà Huyền Tôn Nữ Anh M, bà Huyền Tôn Nữ Anh T, bà Huyền Tôn Nữ Anh H2 và ông Bảo H, phù hợp văn bản xác nhận số 400/QLHC ngày 10/5/2022 của Công an huyện Gò Công Đông. Nên xác định có 09 người thừa kế nêu trên.

2.3 Di sản: Mặc dù giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ghi cấp cho hộ bà Lê Thị H. Tuy nhiên, các đương sự thống nhất trình bày nguồn gốc thửa đất do cụ Vĩnh S và cụ H tạo lập. Nên xác định thửa đất số 130, diện tích, 490,6 m², tờ bản đồ số 25, tại ấp 3, xã Tân Tây, huyện Gò Công Đông giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00807 ngày 15/7/2014 cấp cho hộ bà Lê Thị H là di sản thừa kế.

Đối với căn nhà, các đương sự thống nhất trình bày nguồn gốc nhà do cụ S và cụ H tạo dựng, quá trình bà H1 ở căn nhà có chi phí sửa nhà. Hiện nay bà H1 đang quản lý nhà. Các đồng thừa kế thống nhất giao căn nhà cho bà H1 được sở hữu là quyền tự định đoạt của đương sự, phù hợp pháp luật, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

2.4 Kỷ phần thừa kế: Diện tích đo thửa đất số 130 được xác định ở 2 vị trí: Vị trí 1 diện tích 134,8m², vị trí 2 diện tích 355,8m², tổng cộng 490,6m². Nên kỷ phần thừa kế là 1/9 diện tích đo thửa đất số 130 tương đương 54.51 m².

Tại phiên tòa, bà M, bà H1, người đại diện ủy quyền của bà H3, ông Bảo T2, bà L, bà T, bà H2, ông Bảo T thống nhất chia thừa kế quyền sử dụng đất cho bà M, bà H3 và ông Bảo T2 tổng cộng 134,8m² (Có 100m² đất ở nông thôn) ở vị trí số 1 theo bản vẽ, chia đất cho bà H1, bà L, bà T, bà H2 và ông Bảo T tổng cộng 301,3m² (Có 150m² đất ở nông thôn) tại vị trí có căn nhà bà H1 đang ở, chia ông Bảo H 1 suất thừa kế 54,5m² (Có 50m² đất ở nông thôn) giáp phần đất chia cho bà H1. Xét thấy yêu cầu của các đương sự tại phiên tòa thống nhất như ông Bảo H trình bày trên, phù hợp tình hình tài sản và hiện trạng sử dụng, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Bà L, bà T, bà H2 và ông Bảo T tự nguyện tặng cho bà H1 toàn bộ phần thừa kế được chia. Bà H3 và ông Bảo T2 tự nguyện tặng cho bà M phần thừa kế quyền sử dụng đất được chia. Xét thấy sự tự nguyện tặng cho tài sản thừa kế phù hợp pháp luật, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

2.5 Về các khoản thanh toán và nghĩa vụ của người chết để lại: Đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Đề nghị của Viện kiểm sát có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Bà M, ông Bảo H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng giá trị phần tài sản được chia. Bà H1 là người cao tuổi được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 660 Bộ luật dân sự, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 7 Điều 27, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huyền Tôn Nữ Anh M, yêu cầu độc lập của bà Huyền Tôn Nữ Anh L, bà Huyền Tôn Nữ Anh H1, bà Huyền Tôn Nữ Anh H3, bà Huyền Tôn Nữ Anh T, bà Huyền Tôn Nữ Anh H2, ông Bảo T2 và ông Bảo T về chia di sản thừa kế theo pháp luật.

Ghi nhận tự nguyện của bà Huyền Tôn Nữ Anh L, bà Huyền Tôn Nữ Anh H3, bà Huyền Tôn Nữ Anh T, bà Huyền Tôn Nữ Anh H2, bà Huyền Tôn Nữ Anh M, ông Bảo T2, ông Bảo T và ông Bảo H thống nhất giao cho bà Huyền Tôn Nữ Anh H1 được quyền sở hữu căn nhà bà H1 đang ở tại ấp 3, xã Tân Tây, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Ghi nhận tự nguyện của bà Huyền Tôn Nữ Anh H3 và ông Bảo T2 tặng cho bà Huyền Tôn Nữ Anh M quyền sử dụng đất được chia thừa kế. Bà Huyền Tôn Nữ Anh L, bà Huyền Tôn Nữ Anh T, bà Huyền Tôn Nữ Anh H2 và ông Bảo T tặng cho bà Huyền Tôn Nữ Anh H1 quyền sử dụng đất được chia thừa kế.

Chia thừa kế quyền sử dụng đất thửa số 130, diện tích 490,6 m², tờ bản đồ số 25, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00807 ngày 15/7/2014 cấp cho hộ bà Lê Thị Hai, tại ấp 3, xã Tân Tây, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang như sau:

Bà Huyền Tôn Nữ Anh M được quyền sử dụng phần đất diện tích 134,8m² (Có 100m² đất ở nông thôn), vị trí: Đông giáp bà Lê Thị H4 và chị Lê Thị Huỳnh N1, Tây giáp đường Xóm Rèn trên, Nam giáp bà Huyền Tôn Nữ Anh H1, Bắc giáp bà Nguyễn Thị Thu V.

Bà Huyền Tôn Nữ Anh H1 được quyền sử dụng phần đất diện tích 301,3m² (Có 150m² đất ở nông thôn), vị trí: Đông giáp bà Lê Thị H4 và chị Lê Thị Huỳnh N1, Tây giáp đường Xóm Rèn trên, Nam giáp ông Bảo H, Bắc giáp bà Huyền Tôn Nữ Anh M.

Ông Bảo H được quyền sử dụng phần đất diện tích 54,5m² (Có 50m² đất ở nông thôn), vị trí: Đông giáp bà Lê Thị H4 và chị Lê Thị Huỳnh N1, Tây giáp đường Xóm Rèn trên, Nam giáp đường Xóm Rèn trên, Bắc giáp bà Huyền Tôn Nữ Anh H1. Bà H1 có nghĩa vụ giao phần đất diện tích 54,5m² cho ông H, (*Kèm Trích đo bản đồ địa chính khu đất*).

Khi án có hiệu lực pháp luật, đương sự được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền lập thủ tục cấp quyền sử dụng đất theo quy định.

* Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Huyền Tôn Nữ Anh M phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.490.000 đồng, được trừ số tiền 300.000 đồng theo biên lai số 0007944 ngày 13/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông.

Bà M còn phải nộp số tiền 1.190.000 đồng. Ông Bảo H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 684.000 đồng.

Bà Huyền Tôn Nữ Anh H1 được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà H1 được nhận lại số tiền 300.000 đồng theo biên lai số 0028017 ngày 03/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông.

Bà Huyền Tôn Nữ Anh L không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà Lan được nhận lại số tiền 300.000 đồng theo biên lai số 0028506 ngày 07/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông.

Bà Huyền Tôn Nữ Anh H2 không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà H2 được nhận lại số tiền 300.000 đồng theo biên lai số 0028469 ngày 13/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông.

Bà Huyền Tôn Nữ Anh H3 không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà H3 được nhận lại số tiền 300.000 đồng theo biên lai số 0028470 ngày 13/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông.

Bà Huyền Tôn Nữ Anh T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà T được nhận lại số tiền 300.000 đồng theo biên lai số 0028872 ngày 06/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông.

Ông Bảo T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ông Bảo T được nhận lại số tiền 300.000 đồng theo biên lai số 0028015 ngày 03/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông.

Ông Bảo T2 không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ông Bảo T2 được nhận lại số tiền 300.000 đồng theo biên lai số 0028016 ngày 03/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện GCD
- Chi cục THA DS huyện GCD
- Các đương sự
- Lưu: HS, AV

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Dũng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Hữu Vị

Huỳnh Thị Tổ

Trần Văn Dũng

